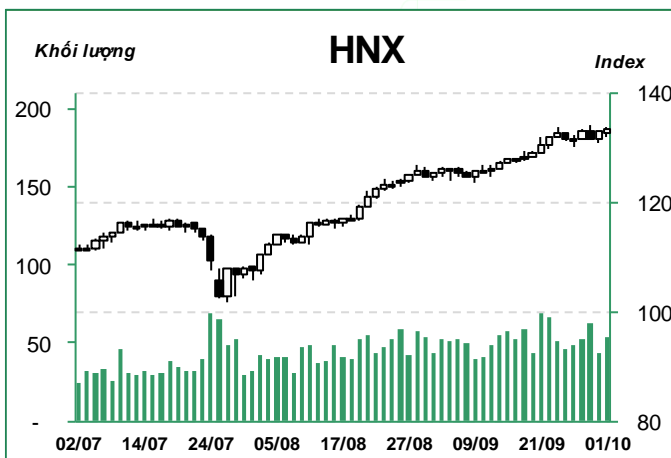
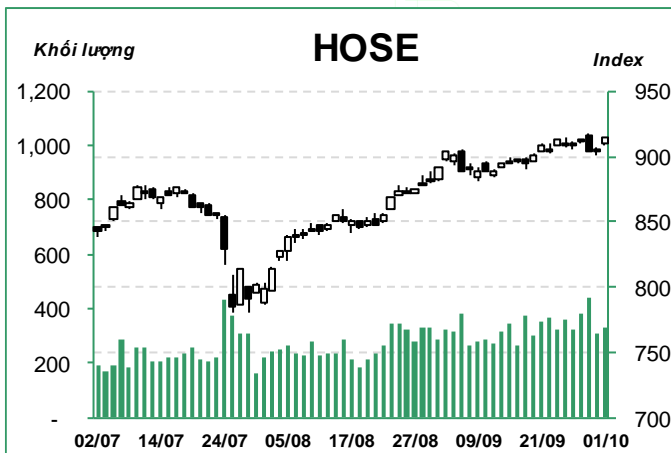


Tổng quan thị trường

01/10/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	914.09	0.98%	867.58	1.05%	133.50	0.42%
Cuối tuần trước	908.27	0.64%	854.71	1.51%	131.52	1.50%
Trung bình 20 ngày	901.74	1.37%	843.00	2.92%	129.93	2.75%
Tổng KLGD (triệu cp)	352.45	3.45%	117.34	2.03%	56.53	14.64%
KLGD khớp lệnh	330.22	6.47%	106.52	1.52%	54.16	24.88%
Trung bình 20 ngày	330.45	-0.07%	95.65	11.36%	52.35	3.45%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	6,761.68	6.32%	3,007.58	-3.06%	717.84	3.02%
GTGD khớp lệnh	5,878.31	6.55%	2,660.29	-0.79%	690.33	29.45%
Trung bình 20 ngày	5,601.56	4.94%	2,560.70	3.89%	614.89	12.27%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	305	64%	24	80%	91	26%
Số mã giảm	108	23%	5	17%	56	16%
Số mã đứng giá	63	13%	1	3%	208	59%



Thị trường bứt phá ngay từ đầu phiên giao dịch khi thông tin PMI tháng 9 của Việt Nam được công bố tích cực, cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ của lĩnh vực sản xuất. Bên cạnh đó, tâm lý nhà đầu tư cũng đang lạc quan sau khi NHNN hạ lãi suất điều hành lần thứ 3 trong năm nay để hỗ trợ nền kinh tế. Dòng tiền lan tỏa đến nhiều nhóm ngành, trong đó nổi bật nhất là nhóm Chứng khoán, BĐS, Dầu khí,...

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa cao nhất phiên tại mức 914.09 điểm (+0.98%). Lực cầu gia tăng với KLGD khớp lệnh đạt 330.2 triệu cổ phiếu (+6.5%), tương đương 5,878 tỷ đồng giá trị (+6.6%). Độ rộng thị trường cho thấy sự áp đảo của bên mua với 305 mã tăng so với 108 mã giảm.

Hầu hết các trụ cột trên sàn đều đóng cửa trong sắc xanh với Vinhomes-VHM (+2.1%), Vingroup-VIC (+1.1%), Vietcombank-VCB (+0.8%) hay và PV Gas-GAS (+1.5%) kéo điểm chính cho chỉ số. Trong khi đó, xét theo ngành thì nhóm chứng khoán có diễn biến tích cực nhất với nhiều mã tăng mạnh kèm thanh khoản cao như Chứng khoán SSI-SSI (+5.0%), Chứng khoán TPHCM-HCM (+5.5%), Chứng khoán Bản Việt-VCI (+6.9%). Theo sau là một số nhóm khác cũng được dòng tiền hướng đến như BĐS, Dầu khí hay Đường. Ở chiều ngược lại, Novaland-NVL (-0.3%), Habeco-BHN (-0.5%), Sacombank-STB (-0.4%) là những cổ phiếu gây áp lực cho chỉ số nhưng không thật sự đáng kể.

Khối ngoại có động thái đi ngược thị trường chung khi liên tục bán ròng trong những phiên gần đây. Giá trị bán ròng trên sàn HoSE trong hôm nay đạt 263.4 tỷ đồng (+0.1%). Trong đó, Hòa Phát-HPG (-78.1 tỷ), Vinamilk-VNM (-46.7 tỷ), Vietjet Air-VJC (-36.3 tỷ) bị bán ròng nhiều nhất. Trái lại, Thiết bị điện Việt Nam-GEX (+9.5 tỷ), Đạm Phú Mỹ-DPM (+7.3 tỷ), Chứng khoán SSI-SSI (+7.3 tỷ) là những cổ phiếu được khối này tập trung mua ròng.

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
GAB	1,958.0	303.44
EIB	5,974.2	101.56
VNM	544.0	59.24
VPB	2,460.0	55.32
VJC	433.4	45.53
DBD	830.0	41.50
NVL	675.0	41.38
HPX	770.2	20.05
SAB	100.0	18.45
CTI	1,134.0	16.44
HNX		
VCC	1,887.3	22.08
GKM	165.0	2.72
PVI	31.8	1.04
SDA	192.2	0.96
TIG	50.0	0.36
THB	40.0	0.34

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index đóng cửa tại mức 133.50 điểm (+0.42%). Thanh khoản tăng trở lại đáng kể với KLGĐ khớp lệnh đạt 54.2 triệu cổ phiếu (+24.9%), tương đương 690.3 tỷ đồng giá trị (+29.5%).

Dù sắc xanh duy trì trong suốt phiên giao dịch, chỉ số tăng không quá tích cực như sàn VN-Index khi 2 trụ cột nhóm ngân hàng là Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (0.0%), Ngân hàng Á Châu-ACB (0.0%) chỉ dừng chân tại tham chiếu. Vicostone-VCS (+2.5%) có phiên thứ 2 liên tiếp dẫn đầu đà tăng trên sàn. Ngoài ra, Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+6.7%) và Dầu khí PTSC-PVS (+2.2%) cũng góp phần kéo chỉ số. Ở chiều ngược lại, Ngân hàng Quốc Dân-NVB (-3.3%), Vinaconex-VCG (-0.5%), Constrexim-CTX (-7.7%) có tác động tiêu cực nhất.

Khối ngoại tiếp tục duy trì bán ròng trên sàn HNX với giá trị 7.8 tỷ đồng (-8.5%). Lực bán tập trung ở các cổ phiếu Cảng Đoạn Xá-DXP (-7.2 tỷ), Vicostone-VCS (-0.7 tỷ) và Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-0.7 tỷ). Trái lại, Dầu khí PTSC-PVS (+1.1 tỷ), Nhựa Tiên Phong-NTP (+0.8 tỷ), Tập đoàn CEO-CEO (+0.4 tỷ) được khối này mua ròng nhiều nhất.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng lên trên mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền gia nhập thị trường tích cực. Không những vậy, chỉ số quay lại đóng cửa trên MA5 và duy trì đóng cửa trên MA20, cùng với ADX nằm trên vùng 24 và +DI nói rộng khoản cách lên phía trên so với -DI, cho thấy xu hướng phục hồi có tín hiệu mạnh dần lên. Chỉ số có cơ hội tiến lên thử thách vùng kháng cự mục tiêu quanh 940 điểm (Fib 127.2). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp và duy trì đóng cửa trên hầu hết các đường MA quan trọng từ MA5 tới MA200, cho thấy xu hướng chính vẫn là phục hồi và chỉ số có cơ hội quay lại thử thách ngưỡng 134.4 điểm (Fib 161.8). Nhìn chung, phiên tăng điểm ngày 01/10 cho thấy thị trường vẫn nằm trong xu hướng phục hồi và có cơ hội hướng lên thử thách các ngưỡng kháng cự cao hơn. Do đó, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục vào các cổ phiếu mạnh, có cơ bản tốt, dự báo kết quả quý 3 khả quan.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HAP	6.0	980.8	7.0%
SCR	6.6	7,627.4	7.0%
DPG	29.2	1,299.2	7.0%
ASM	9.4	10,065.3	7.0%
VCI	30.8	2,148.5	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HRC	37.0	0.0	-6.9%
TLD	14.2	28.9	-6.9%
VID	8.9	11.7	-6.9%
DAT	30.6	1.8	-6.9%
SGT	5.2	5.3	-6.0%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	27.0	460.7	2.3%
DBC	48.7	290.8	2.6%
TCH	21.5	211.0	-0.5%
VNM	109.3	185.0	0.4%
STB	13.8	184.0	-0.4%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HPG	27.0	17,161.7	2.3%
STB	13.8	13,285.4	-0.4%
HSG	15.8	10,976.3	1.0%
SSI	17.8	10,321.0	5.0%
ASM	9.4	10,065.3	7.0%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
NHP	0.7	98.9	16.7%
LM7	4.4	23.8	10.0%
CMC	5.5	1.1	10.0%
VGP	22.1	3.7	10.0%
D11	21.4	4.7	9.7%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
CKV	11.0	25.0	-9.8%
VTL	14.0	0.2	-9.7%
FID	1.0	33.7	-9.1%
HMH	9.0	0.6	-9.1%
TFC	5.1	2.5	-8.9%

Top 5 giá trị

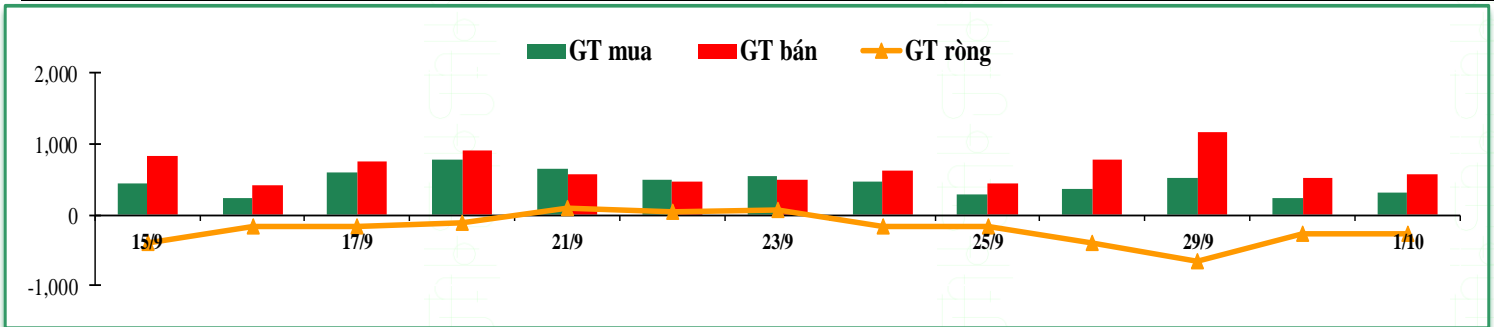
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	22.5	146.8	0.0%
SHS	12.8	98.5	6.7%
PVS	13.9	83.4	2.2%
VCS	75.0	42.5	2.5%
NVB	8.8	37.1	-3.3%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHS	12.8	7,761.4	6.7%
ACB	22.5	6,510.3	0.0%
PVS	13.9	6,035.6	2.2%
NVB	8.8	4,160.1	-3.3%
HUT	2.6	4,104.8	-3.7%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	302.5	5.1%	565.9	9.6%	-263.4
HNX	4.5	0.6%	12.3	1.8%	-7.8
Tổng số	307.0		578.2		-271.3



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	109.3	83.2	0.4%
SAB	184.5	20.1	0.7%
HPG	27.0	20.0	2.3%
VIC	92.5	19.2	1.1%
VHM	77.1	12.7	2.1%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	109.3	130.0	0.4%
HPG	27.0	98.1	2.3%
VJC	105.5	48.8	0.9%
HCM	22.2	21.1	5.5%
SAB	184.5	19.1	0.7%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
GEX	24.1	9.5	1.9%
DPM	17.8	7.3	0.0%
SSI	17.8	7.3	5.0%
VHM	77.1	6.2	2.1%
MSN	54.9	5.5	0.6%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
NTP	33.6	1.8	2.8%
PVS	13.9	1.1	2.2%
CEO	7.4	0.4	1.4%
SHS	12.8	0.3	6.7%
BVS	12.5	0.3	2.5%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
DXP	13.0	7.2	-5.1%
NTP	33.6	0.9	2.8%
VCS	75.0	0.8	2.5%
SHB	15.4	0.7	0.0%
AMV	17.2	0.5	1.8%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	13.9	1.1	2.2%
NTP	33.6	0.8	2.8%
CEO	7.4	0.4	1.4%
SHS	12.8	0.3	6.7%
BVS	12.5	0.2	2.5%

Tin trong nước

PMI tháng 9 đạt 52,2 điểm, tốt nhất từ đầu năm

IHS Markit vừa công bố báo cáo cho thấy Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 9 của Việt Nam tăng 6,5 điểm so với tháng trước và đạt 52,2 điểm, mức tốt nhất tính từ đầu năm. Nhìn chung sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới và tỷ lệ lao động có việc đã tăng lên đáng kể. Có được kết quả này là nhờ dịch Covid-19 cơ bản được kiểm soát, giúp triển vọng kinh doanh ngành sản xuất được cải thiện.

Cụ thể, số ca nhiễm Covid-19 có xu hướng giảm góp phần đẩy mạnh nhu cầu khách hàng, từ đó số lượng đơn hàng mới đã tăng mạnh và sản lượng cũng ghi nhận mức tăng cao nhất trong vòng 14 tháng trở lại đây. Không những vậy, số lượng đơn hàng mới từ nước ngoài cũng tăng mạnh nhất. Đây là lần đầu tiên hoạt động này tăng tính từ tháng 1 đến nay.

Tập đoàn Anh muốn đầu tư dự án điện gió 12 tỷ USD ở Bình Thuận

Thủ tướng vừa có buổi làm việc với ông Greg Hands, Thứ trưởng Thương mại Vương quốc Anh và ông Ian Raymond Hatton, Chủ tịch Tập đoàn Enterprize Energy (Anh) để xúc tiến dự án điện gió ngoài khơi tại Bình Thuận chiều 30/9.

HSBC: Kinh tế Việt Nam sẽ tăng 8,1% trong 2021

Khối Nghiên cứu Kinh tế của HSBC kỳ vọng tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ đạt 2,6% vào năm 2020 giảm so với mức dự báo 3% trước đây, đã tính đến tác động của làn sóng dịch Covid-19 lần hai.

Việt Nam là nền kinh tế ASEAN duy nhất mà HSBC tiếp tục dự báo có tăng trưởng khả quan trong năm 2020. Với năm 2021, Việt Nam sẽ được hưởng lợi từ sự phục hồi do công nghệ dẫn đầu và dòng vốn FDI rất kiên định. HSBC kỳ vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2021 sẽ đạt mức 8,1%, giảm so với dự báo 8,5%.

HoSE đã chấp thuận bộ nguyên tắc hồ sơ niêm yết LienVietPostBank

Theo thông tin từ LienVietPostBank (UPCoM: LPB), HoSE đã chấp thuận bộ nguyên tắc hồ sơ niêm yết, tiến độ chuyển sàn cổ phiếu LPB sẽ sớm hơn so với các ngân hàng khác 1-2 tháng. Cùng LienVietPostBank, ACB, VIB, SHB cũng đang triển khai lộ trình niêm yết trên HoSE trong năm 2020.

LienVietPostBank đã nộp hồ sơ niêm yết vào cuối tháng 7 và cam kết sẽ hoàn thành lên sàn HoSE trong năm 2020. Ngân hàng này cũng có kế hoạch chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài với tỷ lệ không quá 4,99% vốn.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Vinamilk ước lãi quý III tăng 16%

Vinamilk (HoSE: VNM) vừa thông báo về kết quả kinh doanh sơ bộ hợp nhất trong quý III. Tổng doanh thu dự kiến là 15.561 tỷ đồng, tăng 8,8% so với cùng kỳ quý III/2019. Lợi nhuận sau thuế tăng 16% đạt 3.106 tỷ đồng. Quý gần đây nhất công ty sữa lớn nhất Việt Nam đạt mức tăng trưởng hai chữ số là quý IV/2018 với 32%.

Như vậy sau 9 tháng, Vinamilk ước doanh thu tăng 7,4% lên mức 45.277 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế thu về 8.967 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ. So với kế hoạch lãi 10.690 tỷ đồng năm 2020, doanh nghiệp đã hoàn thành gần 84%.

Cuối tháng 9 vừa qua, công ty đã chốt quyền phát hành hơn 348 triệu cổ phiếu thường để tăng vốn điều lệ lên 20.900 tỷ đồng. Ngoài ra, công ty còn thực hiện chốt quyền trả tạm ứng cổ tức đợt 1/2020 với tỷ lệ 20% bằng tiền.

Dabaco ước lãi quý III gấp 20 lần cùng kỳ, đạt 386 tỷ đồng

Trong phiên họp sáng 1/10, Tập đoàn Dabaco Việt Nam (HoSE: DBC) ước ghi nhận doanh thu 3.565 tỷ đồng, tăng 89% so với cùng kỳ quý III/2019. Lợi nhuận sau thuế thu về 386 tỷ đồng, gấp gần 20 lần cùng kỳ.

Như vậy sau 9 tháng năm 2020, doanh thu cao gấp 2,2 lần cùng kỳ đạt 11.757 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế gấp 24,2 lần cùng kỳ đạt 1.136 tỷ đồng. Năm nay có thể là năm đầu tiên lợi nhuận doanh nghiệp vượt mức 1.000 tỷ đồng.

Cho quý IV, lãnh đạo Dabaco đặt mục tiêu đạt kết quả tương đương với quý I nhằm tạo bản lề cho năm 2021 trở đi. Theo báo cáo quý I, công ty có doanh thu thuần 2.387 tỷ và lợi nhuận sau thuế gần 349 tỷ đồng.

Đá Hóa An tạm ứng tiếp cổ tức tiền mặt 15%

Công ty Cổ phần Hóa An (HoSE: DHA) thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 2/2020 với tỷ lệ 15% (1 cổ phiếu được nhận 1.500 đồng). Với 14,7 triệu cổ phiếu đang lưu hành, số tiền chi ra trong đợt này là 22 tỷ đồng.

Ngày đăng ký cuối cùng là 22/10 và thời gian thanh toán dự kiến vào 12/11.

Trước đó, công ty ngành đá xây dựng cũng thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1/2020 tỷ lệ 5% vào tháng 6, tương đương số tiền 7,4 tỷ đồng. Năm 2019, công ty trả cổ tức tiền mặt 30%.

Xây dựng kế hoạch cho năm 2020, Đá Hóa An đề ra mục tiêu doanh thu 302 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế sau thuế ở mức 60 tỷ đồng và cổ tức dự kiến 20% bằng tiền. Theo báo cáo bán niên, công ty có lãi tăng 23% lên 42,7 tỷ đồng do tăng sản lượng đá bán ra và giá bán bình quân cũng cao hơn cùng kỳ.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	MWG	Nắm giữ	17/09/20	105	94.6	11.0%	112	18.4%	90	-4.9%	Xu hướng phục hồi tiếp diễn

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	HVN	Quan sát mua	02/10/20	27.3	30	Phiên tăng tốt lại sau các phiên điều chỉnh tích cực về test MA200 + vol tăng lại gần đây -> khả năng quay lại xu hướng tăng
2	VHM	Quan sát mua	02/10/20	77.1	77.5 81	Phiên tăng tốt, phủ nhận nền giảm vol cao trước đó cho khả năng phiên giảm này là phiên rũ hàng -> cần tiếp tục tăng đóng cửa > 77.5 sẽ cho cơ hội nhịp tăng ngắn hạn
3	MSN	Quan sát mua	02/10/20	54.9	56.5 62-64.5	Hai nền tăng phủ nhận nền giảm thủng hỗ trợ trước đó cho khả năng phiên giảm này là phiên rũ hàng -> cần tiếp tục tăng đóng cửa > 56.5 sẽ cho cơ hội bước vào xu hướng tăng
4	HT1	Quan sát mua	02/10/20	16.1	17.7-18.7	Phiên bật tăng tốt kèm vol cao trở lại từ vùng hỗ trợ EMA -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 15.9-16
5	KDF	Quan sát mua	02/10/20	41.8	46 50-55	Phiên breakout nền tích lũy kèm vol tăng gần đây -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 41.3-41.5

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	LIX	Mua	16/09/20	57.9	56.8	1.9%	60.9	7.2%	54.9	-3%	
2	MWG	Nắm giữ	17/09/20	105	94.6	11.0%	112	18.4%	90	-5%	
3	VNM	Mua	21/09/20	109.3	103.6	5.5%	112.5	9%	101.6	-2%	
4	CTG	Mua	23/09/20	26.6	25.8	3.1%	28	9%	25.2	-2%	
5	HPG	Mua	28/09/20	27	25.75	4.9%	30	17%	25	-3%	
6	KBC	Mua	29/09/20	14.3	14.3	0.0%	15.8	10%	13.8	-3%	
7	BFC	Mua	01/10/20	17.4	17	2.4%	18.7	10%	16.3	-4%	

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền (*)	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 01/10/2020									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (**) (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,230	0 %	-20%	927	76	69,000	19	(1,211)	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	11,270	4.8 %	54%	1,062	39	50,800	1,216	(10,054)	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,830	7.0 %	22%	1,096	28	50,800	1,526	(304)	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,640	-0.6 %	-3%	4,980	22	50,800	1,476	(164)	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CFPT2008	1,500	1,450	5.1 %	-3%	3,851	105	50,800	745		HCM	FPT	48,000	5	14/01/2021
CFPT2009	2,480	2,300	3.6 %	-7%	6,023	78	50,800	1,469	(831)	MBS	FPT	46,800	3	18/12/2020
CHDB2005	1,080	1,500	48.5 %	39%	79,397	4	24,800	(0)	(1,500)	KIS	HDB	27,327	4	05/10/2020
CHDB2006	2,180	3,850	2.7 %	77%	47	7	24,800	68	(3,782)	MBS	HDB	24,700	2	08/10/2020
CHPG2008	4,100	5,710	7.9 %	39%	22,110	60	27,000	281	(5,429)	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	5,280	6.0 %	230%	21,786	28	27,000	2,276	(3,004)	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	7,820	8.6 %	28%	2,053	109	27,000	1,503	(6,317)	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	9,380	5.9 %	36%	6,094	61	27,000	3,130	(6,250)	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020
CHPG2014	7,200	8,730	7.8 %	21%	1,950	200	27,000	2,510	(6,220)	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021
CHPG2015	6,700	8,170	6.0 %	22%	3,576	151	27,000	1,967	(6,203)	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021
CHPG2016	2,200	3,460	6.8 %	57%	36,746	105	27,000	474	(2,986)	HCM	HPG	27,500	2	14/01/2021
CHPG2019	1,630	2,150	10.3 %	32%	45,328	78	27,000	1,548	(602)	MBS	HPG	24,100	2	18/12/2020
CMBB2003	2,000	2,280	3.6 %	14%	12,015	39	19,850	1,908	(372)	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020
CMBB2005	2,000	700	7.7 %	-65%	356	25	19,850	117	(583)	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,740	3.0 %	58%	8,258	28	19,850	1,694	(46)	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020
CMBB2007	1,400	1,890	0 %	35%	35,493	105	19,850	1,509		HCM	MBB	17,000	2	14/01/2021
CMSN2001	2,300	390	14.7 %	-83%	6,629	76	54,900	1	(389)	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMSN2005	2,100	300	-16.7 %	-86%	16,250	28	54,900	0	(300)	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMSN2006	1,900	1,180	6.3 %	-38%	7,186	105	54,900	333		HCM	MSN	56,000	5	14/01/2021
CMSN2008	1,530	1,410	7.6 %	-8%	652	67	54,900	523	(887)	MBS	MSN	53,000	5	07/12/2020
CMWG2006	2,000	580	-3.3 %	-71%	17	25	105,000	6	(574)	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	20,030	1.8 %	55%	1,690	60	105,000	18,433	(1,597)	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	2,060	0.5 %	58%	14,724	26	105,000	2,018	(42)	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	2,840	1.4 %	78%	1,304	22	105,000	2,894	54	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CMWG2010	1,400	2,640	1.5 %	89%	1,677	105	105,000	2,373		HCM	MWG	82,000	10	14/01/2021
CMWG2011	2,980	4,460	4.9 %	50%	2,140	78	105,000	3,715	(745)	MBS	MWG	87,000	5	18/12/2020
CMWG2012	4,390	5,730	0.5 %	31%	43,322	130	105,000	5,182	(548)	SSI	MWG	80,000	5	08/02/2021
CNVL2001	2,300	1,330	-30.0 %	-42%	198	76	63,700	82	(1,248)	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CNVL2002	2,000	2,430	2.5 %	22%	910	160	63,700	1,010	(1,420)	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2003	2,000	150	-40.0 %	-93%	200	25	61,700	(0)	(150)	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	450	7.1 %	-55%	15,639	28	61,700	192	(258)	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	850	1.2 %	-15%	24,377	105	61,700	423		HCM	PNJ	59,000	10	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	2,160	2.9 %	29%	3,452	50	61,700	1,784	(376)	MBS	PNJ	53,000	5	20/11/2020
CPNJ2008	3,030	2,880	2.9 %	-5%	5,994	130	61,700	2,462	(418)	SSI	PNJ	50,000	5	08/02/2021
CREE2003	1,000	2,350	13.0 %	135%	9,712	28	41,800	2,374	24	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CREE2004	1,570	3,990	11.5 %	154%	1,248	22	41,800	4,118	128	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020
CREE2005	1,300	2,580	13.2 %	98%	3,094	105	41,800	2,396		HCM	REE	32,500	4	14/01/2021
CROS2002	1,000	170	0 %	-83%	5,328	76	2,160	(0)	(170)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020
CSBT2001	2,900	300	42.9 %	-90%	8,817	76	15,800	0	(300)	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	2,410	1.7 %	42%	18,568	76	13,750	1,944	(466)	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CSTB2004	1,400	3,020	0.3 %	116%	15,705	60	13,750	2,805	(215)	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020
CSTB2005	1,080	1,070	-6.1 %	-1%	18,639	33	13,750	986	(84)	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020
CSTB2006	1,500	1,390	-0.7 %	-7%	22,092	186	13,750	790	(600)	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021
CSTB2008	1,500	3,700	0 %	147%	5,100	50	13,750	3,592	(108)	MBS	STB	10,200	1	20/11/2020
CSTB2009	1,650	3,380	-0.6 %	105%	15,582	78	13,750	2,921	(459)	MBS	STB	10,900	1	18/12/2020
CTCB2003	2,000	280	-6.7 %	-86%	16,510	25	22,800	0	(280)	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2005	3,000	2,050	5.7 %	-32%	16,959	60	22,800	1,065	(985)	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020
CTCB2006	1,200	2,400	5.7 %	100%	3,036	28	22,800	2,421	21	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CTCB2007	1,700	2,000	4.2 %	18%	1,432	105	22,800	1,518		HCM	TCB	20,000	2	14/01/2021
CTCB2008	1,720	1,930	0 %	12%	1,790	78	22,800	1,472	(458)	MBS	TCB	20,000	2	18/12/2020
CVHM2001	3,100	850	73.5 %	-73%	343	76	77,100	1	(849)	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	5,240	7.2 %	-54%	5,421	60	77,100	1,938	(3,302)	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	880	11.4 %	-12%	23,053	28	77,100	726	(154)	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2004	1,490	80	166.7 %	-95%	15,320	4	77,100	(0)	(80)	KIS	VHM	86,868	10	05/10/2020
CVHM2005	1,400	850	10.4 %	-39%	55,713	105	77,100	242		HCM	VHM	79,000	10	14/01/2021
CVHM2007	2,900	1,970	5.9 %	-32%	12,894	130	77,100	1,049	(921)	SSI	VHM	75,000	5	08/02/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVJC2001	2,400	180	12.5 %	-93%	201	76	105,500	0	(180)	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	260	4.0 %	-86%	2,577	28	105,500	0	(260)	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2003	1,670	30	0 %	-98%	1,555	4	105,500	-	(30)	KIS	VJC	123,456	10	05/10/2020
CVJC2005	2,000	1,470	2.8 %	-27%	2,143	130	105,500	790	(680)	SSI	VJC	100,000	10	08/02/2021
CVNM2004	17,500	20,650	-1.0 %	18%	1,429	60	109,300	146	(20,504)	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	3,220	0 %	115%	32,756	28	109,300	654	(2,566)	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2006	1,530	270	0 %	-82%	17,805	4	109,300	-	(270)	KIS	VNM	131,313	10	05/10/2020
CVNM2007	2,400	1,720	-1.7 %	-28%	1	160	109,300	22	(1,698)	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,530	1.2 %	41%	3,895	105	109,300	208		HCM	VNM	114,000	10	14/01/2021
CVNM2009	1,810	3,030	2.0 %	67%	12,811	67	109,300	399	(2,631)	MBS	VNM	107,000	10	07/12/2020
CVNM2010	2,680	2,970	0.7 %	11%	1,454	130	109,300	468	(2,502)	SSI	VNM	110,000	10	08/02/2021
CVPB2006	3,400	1,770	9.3 %	-48%	29,348	60	24,100	713	(1,057)	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	1,110	0.9 %	-35%	19,936	28	24,100	827	(283)	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020
CVPB2008	1,800	1,870	3.9 %	4%	3,461	105	24,100	1,269		HCM	VPB	22,000	2	14/01/2021
CVPB2009	1,630	2,240	3.2 %	37%	8,549	50	24,100	1,992	(248)	MBS	VPB	20,200	2	20/11/2020
CVRE2003	3,000	270	0 %	-91%	1,002	76	27,700	0	(270)	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020
CVRE2005	4,000	1,920	-7.7 %	-52%	4,689	60	27,700	604	(1,316)	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,120	-7.4 %	2%	7,530	28	27,700	1,188	68	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020
CVRE2007	1,520	560	5.7 %	-63%	14,409	186	27,700	120	(440)	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,030	0 %	-14%	11,410	105	27,700	590		HCM	VRE	26,000	4	14/01/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
ANV (New)	HOSE	19,500	22,200	30/09/2020	249	1,952	19,165	10%	5.7%	11.4	1.2	10%
DXG (New)	HOSE	10,350	14,650	29/09/2020	612	1,345	16,715	7%	2.8%	4.8	0.9	-
ACV (New)	UPCOM	66,900	71,600	29/09/2020	2,208	1,008	14,342	6%	3.8%	71.5	5.0	5%
NLG (New)	HOSE	26,250	32,300	28/09/2020	870	3,555	23,659	14%	8.0%	7.9	1.0	5%
IMP	HOSE	48,050	46,100	21/09/2020	174	2,711	27,620	10%	8.3%	17.0	1.7	20%
CTD	HOSE	69,000	90,400	16/09/2020	824	10,391	113,736	9%	5.0%	8.7	0.8	30%
DBD	HOSE	47,000	39,000	11/09/2020	143	2,733	18,708	15%	8.2%	14.1	2.1	15%
VCB	HOSE	84,800	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
AST	HOSE	50,900	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
PHR	HOSE	58,300	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
VRE	HOSE	27,700	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
POW	HOSE	10,300	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
MWG	HOSE	105,000	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
NVL	HOSE	63,700	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
NT2	HOSE	23,300	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%
SCS	HOSE	122,600	120,000	27/08/2020	403	7,468	20,060	40%	36.9%	16.1	6.0	36%
MSN	HOSE	54,900	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%
HPG	HOSE	27,000	28,700	18/08/2020	9,638	2,889	16,628	18%	9%	9.9	1.7	5%
DHG	HOSE	105,900	88,000	17/08/2020	670	5,125	27,884	18%	15%	17.2	3.2	-
VTP	UPCOM	109,900	142,700	13/08/2020	451	7,565	24,318	40%	11%	18.9	7.6	0%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: www.phfm.vn